

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị

ĐỀ TÀI: Phân tích quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong
nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Ngọc Hưng

Lớp : K22HTTTA

Mã sinh viên : 22A4040013

Hà nội, ngày 12 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
NỘI DUNG.....	3
Phần 1: Khái quát lý luận	3
1. Cạnh tranh	3
2. Độc quyền	4
Phần 2: Phân tích thực trạng.....	7
1. Thực trạng về tình hình cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay 7	
2. Thực trạng về độc quyền ở Việt Nam hiện nay	9
Phần 3: Giải pháp duy trì cạnh tranh và chống độc quyền..	12
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	14

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện chuyển đổi kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam phải chấp nhận những quy luật của kinh tế thị trường, trong đó có cạnh tranh. Các hoạt động cạnh tranh của các thành phần kinh tế ở Việt Nam đã tái xuất hiện và dần trở nên căng thẳng, quyết liệt hơn. Ngày nay với xu hướng toàn cầu hoá, hiện đại hoá, các nước trên thế giới đang xích lại gần nhau hơn, Việt Nam đã xú tiền tốt công tác hội nhập tốt, đặc biệt là Việt Nam đã gia nhập WTO. Điều đó đã nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước để mở rộng thị trường, huy động vốn từ nước ngoài để phát triển. Bên cạnh đó chúng ta cũng đang đối mặt với không ít khó khăn, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta còn yếu kém, cùng với đó là việc tham gia thị trường khu vực và quốc tế, các doanh nghiệp Việt Nam chịu sự cạnh tranh gay gắt của các tập đoàn tư bản nước ngoài. Chính vì vậy, việc học hỏi kinh nghiệm về cạnh tranh và chống độc quyền của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển để vận dụng phù hợp vào điều kiện riêng của nước ta là một việc cần thiết.

Cạnh tranh và độc quyền là hai quy luật tất yếu sẽ xuất hiện và tồn tại. Vậy thực trạng cạnh tranh và độc quyền ở nước ta hiện nay như thế nào? Nước ta cần làm gì để duy trì cạnh tranh và kiểm soát độc quyền? Bài phân tích vấn đề “Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay” hi vọng sẽ tìm hiểu kĩ hơn về cạnh tranh và độc quyền và những vấn đề liên quan trong nền kinh tế của Việt Nam hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Từ đó nêu lên những giải pháp khách quan về việc duy trì cạnh tranh và kiểm soát độc quyền ở Việt Nam

3. Đối tượng nghiên cứu.

Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận duy vật biện chứng.
- Phương pháp logic kết hợp với lịch sử.
- Phương pháp trừu tượng hoá khoa học.
- Phương pháp thống kê.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Phạm vi trong nước.
- Về thời gian: Từ khi nước ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.

6. Kết cấu

Gồm 3 phần:

Chương 1: Khái quát lý luận.

Chương 2: Phân tích thực trạng.

Chương 3: Giải pháp.

NỘI DUNG

Phần 1: Khái quát lý luận

1. Cạnh tranh

1.1. Khái niệm

Theo C. Mác, dưới góc độ kinh tế chính trị : Cạnh tranh là sự ganh đua, sự đấu tranh quyết liệt giữa những người sản xuất, kinh doanh hàng hoá nhằm giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hoá, để thu được lợi nhuận cao nhất.

Theo nhà kinh tế học Michael Porter của Mỹ thì: Cạnh tranh (kinh tế) là giành lấy thị phần. Bản chất của cạnh tranh là tìm kiếm lợi nhuận, là khoản lợi nhuận cao hơn mức lợi nhuận trung bình mà doanh nghiệp đang có. Kết quả quá trình cạnh tranh là sự bình quân hóa lợi nhuận trong ngành theo chiều hướng cải thiện sâu dẫn đến hệ quả giá cả có thể giảm đi.

1.2. Nguồn gốc cạnh tranh

Cơ sở xuất hiện cạnh tranh là tồn tại chế độ tư hữu hoặc những hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất. Vì vậy, cạnh tranh xuất hiện và tồn tại gắn liền với sự xuất hiện, phát triển của nền kinh tế hàng hoá, thị trường.

1.3. Phân loại cạnh tranh

Dựa vào các căn cứ khác nhau thì cạnh tranh được chia thành nhiều loại cạnh tranh khác nhau như : cạnh tranh giữa người bán với người bán, giữa người bán với người mua, giữa người mua với người mua; cạnh tranh trong nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành; cạnh tranh hoàn hảo và cạnh tranh không hoàn hảo; cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh; cạnh tranh doanh nghiệp; cạnh tranh quốc gia, ...

1.4. Tác động của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

a) Tích cực

- Cạnh tranh vừa là môi trường vừa là động lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường.

- Cạnh tranh chính là cơ chế điều chỉnh linh hoạt và phân bổ các nguồn lực kinh tế của xã hội một cách tối ưu.
- Cạnh tranh chính là cơ chế điều chỉnh linh hoạt và phân bổ các nguồn lực kinh tế của xã hội một cách tối ưu.
- Cạnh tranh kích thích tiến bộ kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển nhanh.
- Cạnh tranh góp phần tạo nên cơ sở cho sự phân phối thu nhập lần đầu.
- Cạnh tranh tạo ra khối lượng sản phẩm đa dạng, phong phú, chất lượng tốt, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng và xã hội.

b) Tiêu cực

- Những mặt tiêu cực của cạnh tranh gắn với cạnh tranh không lành mạnh và không bình đẳng, thể hiện:
- Cạnh tranh sẽ làm gia tăng nhanh sự ô nhiễm môi trường và làm mất cân bằng hệ sinh thái.
- Cạnh tranh góp phần làm gia tăng sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

2. Độc quyền

2.1. Khái niệm

Độc quyền là hiện tượng trên thị trường chỉ có một doanh nghiệp hoặc một nhóm doanh nghiệp cấu kết với nhau chiếm vị trí độc tôn trong việc cung cấp sản phẩm nhất định nào đó, cho phép họ kiểm soát trọn vẹn giá cả sản phẩm để thu lợi nhuận tối đa và ngăn chặn các đối thủ cạnh tranh khác thâm nhập thị trường. Là hậu quả tất yếu của quá trình cạnh tranh không được định hướng và điều chỉnh: từ cạnh tranh lành mạnh chuyển qua cạnh tranh không lành mạnh dẫn tới cạnh tranh mang tính độc quyền và cuối cùng xuất hiện độc quyền.

2.2. Nguyên nhân hình thành

Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX do những nguyên nhân sau:

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác động của khoa học – kĩ thuật đẩy nhanh tích tụ và tập trung sản xuất, hình thành các xí nghiệp có quy mô lớn
- Vào 30 năm cuối thế kỉ XIX, những thành tựu khoa học – kĩ thuật mới xuất hiện, một mặt làm xuất hiện những ngành sản xuất mới đòi hỏi xí nghiệp có quy mô lớn, cần vốn lớn để đầu tư; mặt khác, nó dẫn đến tăng năng suất lao động, tăng khả năng tích lũy tư bản, thúc đẩy phát triển sản xuất lớn.
- Trong điều kiện phát triển của khoa học – kĩ thuật, sự tác động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản như quy luật giá trị thặng dư, quy luật tích lũy...ngày càng mạnh mẽ, làm biến đổi cơ cấu kinh tế của xã hội tư bản theo hướng tập trung sản xuất quy mô lớn.
- Cạnh tranh khốc liệt buộc các nhà tư bản phải tích cực cải tiến kĩ thuật, tăng quy mô tích lũy để thắng thế trong cạnh tranh. Đồng thời cạnh tranh gay gắt làm cho các nhà tư bản vừa và nhỏ bị phá sản, còn các nhà tư bản lớn phát tài, làm giàu với số tư bản tập trung và quy mô xí nghiệp ngày càng to lớn.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1873 trong toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa làm phá sản hàng loạt xí nghiệp vừa và nhỏ, buộc các nhà tư bản phải hợp nhất lại để thoát khỏi khủng hoảng.
- Sự phát triển của hệ thống tín dụng tư bản chủ nghĩa trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, nhất là việc hình thành các công ty cổ phần, tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức độc quyền

Lenin khẳng định: “...tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn đến độc quyền”.

2.3. Những tác động của độc quyền

a) Tác động tích cực

- Thúc đẩy tiến bộ khoa học – kĩ thuật, nghiên cứu và triển khai.
- Tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn hiện đại.

b) Tác động tiêu cực

- Làm xuất hiện cạnh tranh không hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội.
- Ít nhiều kìm hãm tiến bộ khoa học – kỹ thuật phát triển.
- Chi phối các quan hệ kinh tế, xã hội, tăng phân hoá giàu nghèo.

3. Môi quan hệ cạnh tranh và độc quyền

- Độc quyền sinh ra từ cạnh tranh tự do, độc quyền đối lập với cạnh tranh tự do. Nhưng sự xuất hiện của độc quyền không thủ tiêu được cạnh tranh, trái lại còn làm cho cạnh tranh trở nên đa dạng, gay gắt và có sức phá hoại to lớn hơn.
- Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, không chỉ tồn tại sự cạnh tranh giữa những người sản xuất nhỏ, giữa những nhà tư bản vừa và nhỏ như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, mà còn có thêm các loại cạnh tranh sau:

Một là cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với các xí nghiệp ngoài độc quyền. Các tổ chức độc quyền tìm mọi cách chèn ép, chi phối thôn tính các xí nghiệp ngoài độc quyền bằng nhiều biện pháp như: độc chiếm nguồn nguyên liệu, nguồn nhân công, phương tiện vận tải, tín dụng, hạ giá có hệ thống... để đánh bại đối thủ.

Hai là cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với nhau. Loại cạnh tranh này có nhiều hình thức: cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền trong một ngành, kết thúc bằng một sự thoả hiệp hoặc bằng sự phá sản của một bên; cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền khác ngành có liên quan với nhau về nguồn nguyên liệu, kỹ thuật...

Ba là cạnh tranh trong nội bộ các tổ chức độc quyền. Những nhà tư bản tham gia cácten, xanhdica cạnh tranh với nhau để giành thị trường tiêu thụ có lợi hoặc giành tỉ lệ sản xuất cao hơn. Các thành viên của torót và côngxoócxiom cạnh tranh với nhau để chiếm cổ phiếu khống chế, từ đó chiếm địa vị lãnh đạo và phân chia lợi nhuận có lợi hơn.

Phần 2: Phân tích thực trạng

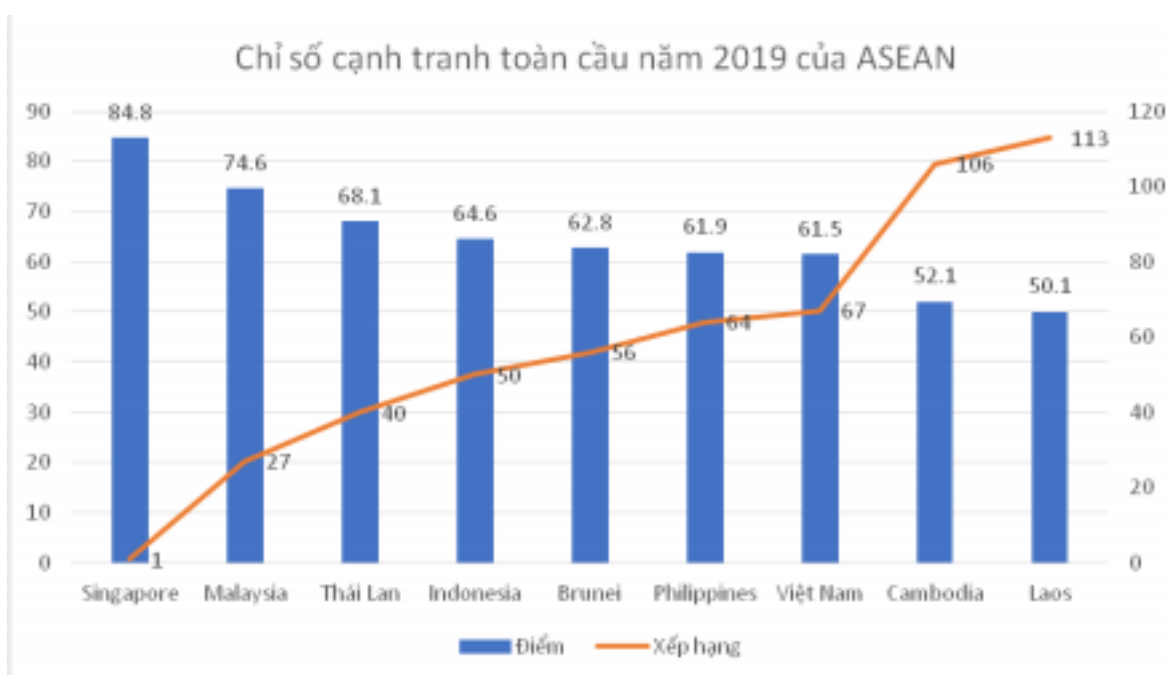
1. Thực trạng về tình hình cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế như hiện nay, việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên quy mô toàn cầu là tất yếu khách quan và áp lực cạnh tranh này tác động lên tất cả các doanh nghiệp chứ không chỉ riêng Việt Nam. Nếu xét trên góc độ vĩ mô: việc hội nhập kinh tế quốc tế hay ký kết các hiệp định thương mại tự do mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp, nhưng cũng có nhiều thách thức. Ví dụ như, theo hiệp định gần nhất vừa mới có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 14/1/2019 là Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) thì có 3 nước lần đầu tiên Việt Nam có quan hệ hiệp định thương mại tự do là Canada, Mexico, Peru. Điều này mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường mới, có cơ hội đa dạng hóa nguồn nguyên vật liệu đầu vào (như sợi trong ngành Dệt may), ... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với các thách thức, như: về năng lực cạnh tranh còn yếu của một số ngành dịch vụ, quảng cáo, các mặt hàng nông sản như thịt lợn, thịt gà...; về thể chế chính sách của Việt Nam chưa hoàn thiện, chất lượng nguồn lao động chưa cao... Hội nhập là cơ hội hay thách thức thì phụ thuộc vào khả năng nắm bắt cơ hội và khả năng vượt qua thách thức của Việt Nam. Mấu chốt quan trọng đầu tiên để Việt Nam có thể nâng cao năng lực cạnh tranh đó chính là cải thiện chất lượng thể chế - chính sách, cải thiện môi trường kinh doanh để hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển.

Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố trong Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2018 (The Global Competitiveness Report 2018), thì năm 2018, Việt Nam đứng vị trí thứ 77/140 quốc gia và vùng lãnh thổ trong bảng xếp hạng, tụt 3 bậc so với năm trước, ở vị trí 74/135.

Năm 2019, Chỉ số GCI (Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index- GCI)) của Việt Nam đạt 61,5/100 điểm, xếp vị trí 67 trên tổng số 141 quốc gia và nền kinh tế. So với năm 2018, Chỉ số GCI của Việt Nam tăng 3,5 điểm và xếp hạng tăng 10 bậc, mức tăng cao nhất trên thế giới trong năm qua. Trong khu vực ASEAN, Xing-ga-po có điểm số cao nhất

thế giới (84,8 điểm, xếp thứ nhất), tiếp theo là Ma-lai-xi-a (74,6 điểm, xếp thứ 27), Thái Lan (68,1 điểm, xếp thứ 40), In-đô-nê-xi-a (64,6 điểm, xếp thứ 50), Bru-nây (62,8 điểm, xếp thứ 56), Phi-líp-pin (61,9 điểm, xếp thứ 64), Cam-pu-chia (52,1 điểm, xếp thứ 106), Lào (50,1 điểm, xếp thứ 113). Từ kết quả trên cho thấy, chỉ có Việt Nam cùng Xing-ga-po, Bru-nây, Lào, Cam-pu-chia là tăng điểm và cũng chỉ có Việt Nam cùng Xing-ga-po, Bru-nây và Cam-pu-chia là tăng bậc xếp hạng. Điểm số và thứ hạng của Việt Nam vượt bậc, rút ngắn đáng kể so với nhóm ASEAN 4, Trung Quốc và Ấn Độ.



Về điểm số, Việt Nam có 10/12 trụ cột có điểm số tăng, gồm: thể chế, cơ sở hạ tầng, năng lực tiếp cận công nghệ thông tin, kỹ năng, quy mô thị trường, thị trường lao động, năng lực đổi mới sáng tạo, tính năng động của doanh nghiệp... Về thứ hạng, trụ cột về năng lực tiếp cận công nghệ thông tin có thứ hạng cao nhất (tăng 54 bậc), trụ cột về thị trường hàng hóa tăng 23 bậc, trụ cột về tính năng động của doanh nghiệp tăng 12 bậc, trụ cột về thể chế và đổi mới sáng tạo tăng 6 bậc...

Như vậy, năm nay Việt Nam đã vượt chỉ tiêu đề ra của Nghị quyết 02 năm 2019 về Chỉ số GCI (tăng 3-5 bậc) và đạt mục tiêu đến năm 2021 (tăng 10 bậc), những mục tiêu cụ thể đã đạt được là:

- Chi phí tuân thủ pháp luật: xếp thứ 79, tăng 17 bậc so với năm 2018 (mục tiêu năm 2019 tăng 2 bậc), vượt mục tiêu đến 2021.
 - Ứng dụng ICT: xếp thứ 41, tăng 54 bậc (mục tiêu năm 2019 tăng 5 bậc), vượt mục tiêu đến năm 2021.
 - Chất lượng đào tạo nghề: xếp thứ 102, tăng 13 bậc từ vị trí 115 năm 2018 (mục tiêu năm 2019 tăng 5 bậc).
 - Giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán trên GDP: xếp thứ 54, tăng 6 bậc so với năm 2018 (mục tiêu năm 2019 tăng ít nhất 5 bậc).
 - Chi tiêu cho Nghiên cứu phát triển: xếp thứ 70, tăng 6 bậc so với năm 2018 (mục tiêu năm 2019 tăng ít nhất 2 bậc), đạt mục tiêu đến năm 2021.
 - Tăng trưởng về doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: xếp thứ 68, tăng 22 bậc so với năm 2018 (mục tiêu năm 2019 tăng ít nhất 5 bậc), đạt mục tiêu đến năm 2021.
 - Công ty có ý tưởng sáng tạo mới đột phá: xếp thứ 39, tăng 13 bậc so với năm 2018 (mục tiêu năm 2019 tăng ít nhất 2 bậc), đạt mục tiêu đến năm 2021.
- Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam cải thiện đáng kể cả về điểm số và thứ hạng là một kết quả quan trọng, phản ánh sự đánh giá tích cực của WEF và cộng đồng quốc tế đối với nỗ lực và tiến bộ của Việt Nam trong hoàn thiện thể chế kinh tế, cải cách quy định, cải thiện môi trường kinh doanh. Kết quả này cũng phản ánh thực tiễn nhiều năm qua, đặc biệt là năm 2019 này, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự “vào cuộc” của các cấp, các ngành đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính, thực sự là một sự “bứt phá” rõ rệt nhất trong cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh.

2. Thực trạng về độc quyền ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường. Một số yếu tố bất

hợp lý của mô hình kinh tế trước đây vẫn còn tồn tại và đòi hỏi cần phải có những giải pháp cụ thể để giải quyết trong thời gian tới. Một trong những vấn đề cần giải quyết là tình trạng độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước. Sự tồn tại quá nhiều doanh nghiệp nhà nước (rất nhiều trong số đó kinh doanh không hiệu quả) và việc độc quyền của doanh nghiệp nhà nước trong nhiều lĩnh vực là một trong những lý do được các luật sư Mỹ sử dụng để khẳng định Việt Nam không có nền kinh tế thị trường trong vụ kiện cá da trơn của Việt Nam. Để hội nhập kinh tế thế giới cũng như đảm bảo các điều kiện gia nhập WTO trong thời gian tới và tránh thua thiệt trong thương mại quốc tế, vấn đề này cần phải được hoàn thiện để quy định một mức độ hợp lý cho sự độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước, vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, vừa đảm bảo thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

Thực tế ở Việt Nam hiện nay có hai loại hình độc quyền sau:

Loại thứ nhất là kết quả cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Trường hợp công ty Coca Cola như đã phân tích ở trên được coi là ví dụ về hình thức độc quyền là kết quả của cạnh tranh trên thị trường nước uống có ga của Việt Nam. Tuy thế, như đã đề cập ở trên, nền kinh tế thị trường Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển, vì vậy, cho đến nay chỉ có một vài trường hợp liên quan đến độc quyền là kết quả của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Chắc chắn trong tương lai, loại hình độc quyền này sẽ phổ biến hơn. Tuy nhiên, đây là hiện tượng bình thường của bất kỳ nền kinh tế cạnh tranh nào. Theo kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, vấn đề này sẽ được giải quyết bằng những quy định về chống độc quyền trong luật cạnh tranh như các quy định về cấm đoán tự thân (per se prohibition), quy định về thoả thuận giá cả giữa các đối thủ cạnh tranh, tẩy chay hàng hoá, lạm dụng sức mạnh thị trường, tập trung kinh tế v.v... Luật cạnh tranh của Việt Nam cũng đã bao gồm các quy định này. Đó là những quy định tại chương 2 về các vấn đề thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và vị trí độc quyền, tập trung kinh tế. Nếu so với các nước có nền kinh tế thị trường phát triển thì những quy định trong Luật cạnh tranh của Việt Nam về kiểm soát độc quyền chưa thể

nói là đầy đủ. Tuy thế, trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, việc quy định như vậy là tương đối rõ ràng và thống nhất. Trong tương lai, khi tính cạnh tranh của thị trường đạt ở mức độ cao hơn với nhiều hành vi cạnh tranh khác phát sinh, sự bổ sung các quy định mới về kiểm soát độc quyền sẽ là cần thiết.

Loại thứ hai là loại hình độc quyền được coi là phổ biến nhất Việt Nam hiện nay là độc quyền là kết quả của cơ chế hành chính trước đây và một số quy định của pháp luật cũng như các chính sách kinh tế hiện hành. Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung cao độ trước đây, chúng ta chỉ thừa nhận hình thức sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân không tồn tại trong thời gian đó. Chế độ công hữu này đã tạo ra sự độc quyền nhà nước trong tất cả các ngành kinh tế. Nhà nước thành lập các xí nghiệp quốc doanh để sản xuất và cung ứng sản phẩm cho người tiêu dùng. Cơ chế quản lý kinh tế bằng các mệnh lệnh hành chính đã hình thành nên các doanh nghiệp nhà nước độc quyền mà một số vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Hơn nữa, hiện nay còn có xu hướng độc quyền nhà nước biến thành độc quyền doanh nghiệp. Việc nắm giữ đường trục viễn thông quốc gia sẽ tạo lợi thế cho VNPT ngăn cản các công ty khác tham gia vào thị trường viễn thông, bởi lẽ nếu các công ty khác muốn cung cấp dịch vụ viễn thông họ buộc phải sử dụng đường trục viễn thông quốc gia do VNPT quản lý. Với lợi thế về thị phần sẵn có từ trước cùng với các quy định của pháp luật, VNPT đã tính giá dịch vụ viễn thông cung cấp cho người sử dụng cao hơn 30% so với các nước ASEAN. Tình trạng này cũng tương tự như ở Tổng công ty điện lực Việt Nam (EVN). ở nước ta đã có một số doanh nghiệp sản xuất điện nhưng chỉ EVN được nắm giữ hệ thống truyền tải điện. Trong thị trường điện lực, việc sản xuất điện có liên quan mật thiết đến việc truyền tải điện. Điều này làm cho các doanh nghiệp sản xuất điện phải phụ thuộc vào EVN - một đối thủ cạnh tranh trên cùng thị trường. Chính vì vậy, độc quyền của EVN đối với việc kinh doanh điện là điều không thể tránh khỏi.

Phần 3: Giải pháp duy trì cạnh tranh và chống độc quyền

Thứ nhất: tiếp tục đổi mới nhận thức về cạnh tranh, phải thống nhất quan điểm đánh giá vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. Phải coi cạnh tranh trong nền kinh tế pháp luật hợp thức là động lực của sự phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Xác định một cách rõ ràng và hợp lý vai trò của Nhà nước cũng như vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp Nhà nước trong nền kinh tế, hạn chế bớt những doanh nghiệp Nhà nước độc quyền kinh doanh. Thúc đẩy nhanh quá trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước, đẩy nhanh quá trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước. Độc quyền của các doanh nghiệp Nhà nước cần phải được giảm dần, các rào cản đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cần được tháo gỡ dần nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh chung của toàn bộ nền kinh tế, tăng tính hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài, đồng thời giảm gánh nặng cho ngân sách quốc gia.

Việc đổi mới nhận thức cần được thể hiện trong toàn bộ hệ thống quản lý Nhà nước, trong các chương trình và chiến lược cải cách hành chính, trong tổ chức, phong cách làm việc hành vi ứng xử của các cơ quan công quyền.

Thứ hai: cải tổ pháp luật về cạnh tranh để cho cơ chế cạnh tranh được vận hành một cách trôi chảy, hạn chế những hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường. Nới lỏng các điều kiện ra nhập và rút lui khỏi thị trường để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia sản xuất kinh doanh. Như vậy việc hình thành nên khung pháp lý chung cho các loại hình kinh doanh thuộc các khu vực kinh tế khác nhau là điều cần thiết. Việc cải tổ pháp luật về cạnh tranh cần phải sửa đổi từ quy trình ban hành pháp luật:

Xây dựng luật: để đảm bảo tính chất khách quan về lâu dài cần chuyển việc dự thảo luật từ cơ quan lập pháp sang cho cơ quan hành pháp. Trước mắt, việc soạn thảo luật cần được tổ chức một cách dân chủ với sự tham gia của cơ quan có liên quan.

Xây dựng văn bản dưới luật: phải đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh và sự tham gia rộng rãi của những người chịu ảnh hưởng của quy định. Việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý kinh doanh cần xoá bỏ những quy

định hiện hành không phù hợp với nền kinh tế thị trường, với những cam kết quốc tế nhằm mở rộng quyền kinh doanh, quyền chủ động cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Thứ ba: xây dựng một cơ quan chuyên trách theo dõi, giám sát các hành vi liên quan đến cạnh tranh và độc quyền. Rà soát lại và hạn chế bớt số lượng các lĩnh vực độc quyền, kiểm soát giám sát độc quyền chặt chẽ hơn. Nhà nước cần giám sát chặt chẽ hơn các hành vi lạm dụng của các doanh nghiệp lớn. Cần phải đổi mới chế độ chứng từ, kế toán kiểm toán để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát tài chính của các doanh nghiệp.

Thứ tư: cơ cấu lại và kiểm soát độc quyền kể cả độc quyền tự nhiên. Cần xoá bỏ độc quyền trong kinh doanh, chỉ duy trì độc quyền ở một số ngành quan trọng phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế như: sản xuất và truyền tải điện năng, khai thác dầu khí, bưu chính viễn thông, xây dựng cơ sở hạ tầng... kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp độc quyền thuộc Nhà nước.

Việc xoá bỏ độc quyền trong kinh doanh có thể thực hiện theo hai hướng:

Hướng thứ nhất: cho phép nhiều doanh nghiệp tham gia kinh doanh bằng cách xây dựng điều kiện cấp phép cho các loại hình dịch vụ phù hợp với thời hạn nêu trong cam kết quốc tế. Cần tạo điều kiện khuyến khích cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động. Các doanh nghiệp mới có thể đến từ một lĩnh vực kinh doanh khác có liên quan. Các doanh nghiệp này có thể sử dụng chung cơ sở hạ tầng với doanh nghiệp đang sử dụng hoặc sẵn có của mình.

Hướng thứ hai: chia tách các doanh nghiệp đang chiếm vị trí chủ đạo trong lĩnh vực thành các đơn vị nhỏ độc lập, đồng thời chia tách các doanh nghiệp không trực tiếp gắn với cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng khỏi doanh nghiệp chủ đạo. Việc chia tách này cần đảm bảo các doanh nghiệp độc lập với nhau không phụ thuộc vào nhau hay vào doanh nghiệp chủ đạo. Như vậy sẽ làm tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau mà không bị hạn chế lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 của Việt Nam qua các tiêu chí đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (*Chu Thị Thảo, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính*).
- Tapchitaichinh.vn
- Tapchicongthuong.vn
- Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2018 (The Global Competitiveness Report 2018) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF).
- V. I. Lenin, *Toàn tập*, t.27, NXB Tiến bộ, Mastxcova, 1980 –
- voer.edu.vn
- luatminhkhue.vn
- Tài liệu học tập và bài tập thực hành kinh tế chính trị Mác – Lenin (Học viện ngân hàng – Khoa Lý luận chính trị) - Chính phủ (2019), Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26/09/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.
- Quốc hội (2018), Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/6/2018.
- Bài đăng trên Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11D, tháng 11/2004.